

KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 THÀNH PHỐ SƠN LA
(Kèm theo Quyết định số 1662/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của UBND tỉnh Sơn La)

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính											
				Phường Chiềng An	Phường Chiềng Cơi	Phường Chiềng Lẽ	Phường Chiềng Sinh	Phường Quyết Tâm	Phường Quyết Thắng	Phường Tô Hiệu	Xã Chiềng Cọ	Xã Chiềng Đen	Xã Chiềng Ngần	Xã Chiềng Xôm	Xã HuaLa
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	164,21	13,17	22,92	0,60	14,21	1,42	3,64	3,70	0,29	1,41	29,43	13,34	60,08
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	27,66	8,86	7,94	0,10	0,35	-	-	-	-	0,10	2,80	0,96	6,55
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	34,34	0,47	2,60	0,30	4,06	0,28	1,88	0,06	0,02	0,58	14,64	8,93	0,52
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	81,22	2,09	4,73	0,20	9,80	0,71	1,30	0,65	0,26	0,72	11,89	0,64	48,23
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	17,13	1,53	6,72	-	-	0,43	0,46	2,99	0,01	-	-	0,25	4,74
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	3,40	0,02	0,71	-	-	-	-	-	-	0,01	0,10	2,54	0,02
	Tr.đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN/PNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,46	0,20	0,22	-	-	-	-	-	-	-	-	0,02	0,02
1.8	Đất chăn nuôi tập chung	CNT/PNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.9	Đất làm muối	LMU/PNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp														
2.1	Chuyển đất trồng lúa sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	LUA/NNP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.2	Chuyển đất rừng đặc dụng sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RDD/NNP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.3	Chuyển đất rừng phòng hộ sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RPH/NNP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.4	Chuyển đất rừng sản xuất sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RSX/NNP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Chuyển các loại đất khác sang đất chăn nuôi tập trung khi thực hiện các dự án chăn nuôi tập trung quy mô lớn	MHT/CNT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp		0,63	0,08	-	-	0,50	-	0,05	-	-	-	-	-	-
4.1	Chuyển đất phi nông nghiệp được quy định tại Điều 118 sang các loại đất phi nông nghiệp quy định tại Điều 119 hoặc Điều 120 của Luật này	MHT/PNC	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4.2	Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở	MHT/OTC	0,63	0,08	-	-	0,50	-	0,05	-	-	-	-	-	-
4.3	Chuyển đất xây dựng công trình sự nghiệp sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	MHT/CSK	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4.4	Chuyển đất xây dựng công trình công cộng có mục đích kinh doanh sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	MHT/CSK	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4.5	Chuyển đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất thương mại, dịch vụ sang đất thương mại, dịch vụ	MHT/TMD	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

nt